

Bản án số: 48 /2022/HS-ST

Ngày: 16-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ - TP. ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Văn Cương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Trần Đức Hiếu**

Bà **Trần Thị Hoa**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Dụ** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hồng Thanh** - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 40/2022/TLHS-ST ngày 23 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2022/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

1. Bị cáo: Nguyễn D, sinh ngày 06/4/1968 tại Quảng Nam; Nơi đăng ký thường trú: Tổ 14, phường H, quận H, TP Đà Nẵng; Chỗ ở trước khi bị bắt: Thuê trọ tại 116 đường T, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Kỹ sư xây dựng; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Phật giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn H (chết) và bà Nguyễn Thị C (còn sống); Có vợ Hồ Thị Bích Đ (đã ly hôn); Có 02 con – lớn sinh năm 1998, nhỏ sinh năm 2004; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 28/6/2013 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng xử phạt 07 (Bảy) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”, đến ngày 31/8/2015 được đặc xá.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 10/3/2022. Có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị hại: Bà Võ Thị Thu H, sinh năm 1967; Địa chỉ: Tổ 29, phường H, quận C, TP Đà Nẵng. Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Lê Thanh T, sinh năm 1986; Địa chỉ thường trú:: 87/1 Ấp 4 , huyện H, TP Hồ Chí Minh; Địa chỉ tạm trú: Số 367 đường P – TP Đà Nẵng; Vắng mặt.

+ Ông Võ Văn S, sinh năm 1969; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện H, TP Đà Nẵng; Vắng mặt.

+ Ông Đặng T, sinh năm 1941; Địa chỉ: 01 đường N, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Vắng mặt.

+ Ông Võ Văn V, sinh năm 1978; Địa chỉ: Số 40 đường P, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Vắng mặt.

+ Ông Trà Văn H, sinh năm 1976; Địa chỉ: Tổ 58, phường H, quận C, TP Đà Nẵng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Đình Ch, sinh năm 1992; Địa chỉ: Số 26 T, phường H, quận , TP Đà Nẵng; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

+ Ông Nguyễn Lê Đình T, sinh năm 1989; Số 30 đường L, phường K, quận N, TP Đà Nẵng; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng cuối năm 2019, bà Võ Thị Thu H mua của ông Đặng Xuân L, sinh năm 1955, trú tại: 137 đường T - TP Đà Nẵng 02 thửa đất số 137 và số 138 tờ bản đồ số 99 (số thửa cũ là 420, 421) tại thôn Phú Hạ, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng nhưng chưa làm thủ tục sang tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Thông qua người quen giới thiệu, bà H gặp Nguyễn D, hai bên thỏa thuận D nhận làm thủ tục đo đạc, xác định diện tích đất thực tế, chuyển đổi tên người sử dụng đất từ chủ đất cũ sang tên bà H. Trong quá trình làm hồ sơ đất cho bà H thì D phát hiện hồ sơ đo đạc vẫn thể hiện diện tích đất chưa bị thu hồi (*Thực tế vào năm 2013 thửa đất số 137, 138 đã bị Nhà nước thu hồi mở phần diện tích*) nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà H. D nói dối với bà H là sẽ giúp bà H xin lại toàn bộ diện tích đất đã bị Nhà nước thu hồi trước đó để bà H tiếp tục sử dụng và xin chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở cho bà H, muốn vậy bà H phải trả tiền trước đây Nhà nước đã đền bù cho chủ cũ. Để thực hiện ý định chiếm đoạt tài sản của bà H, D đã làm các tài liệu, giấy tờ giả và đưa ra thông tin gian dối nhằm tạo sự tin tưởng để chiếm đoạt tiền của bà H, cụ thể như sau:

Lần 1: Cuối tháng 2/2020, Dưng thuê đối tượng tên Rìn (*không rõ nhân thân lai lịch*) làm giả 02 tờ phôi BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ và 02 giấy thông báo

bản phô tô với tiêu đề “THÔNG BÁO NỘP TIỀN HOÀN TRẢ ĐỀ SỤNG DỤNG ĐẤT” Số 596/TB-CCT và số 597/TB-CCT với chi phí 1.000.000 đồng. Sau khi làm giả tờ Thông báo số 596/TB-CCT ghi số tiền 220.428.000 đồng và tờ Thông báo số 597/TB-CCT ghi số tiền 238.649.200 đồng đều đề ngày 12/3/2020, Rin chuyển hình ảnh qua Zalo của D để D xem trước. D chuyển tiếp hình ảnh 02 tờ thông báo này cho bà H xem và nói dối là đang xin nhà nước hoàn trả lại đất để bà H tiếp tục sử dụng. Khi nhận hình ảnh 02 tờ thông báo qua Zalo, bà H nghĩ D xin được diện tích đất mà nhà nước đã thu hồi nhưng thấy số tiền phải nộp quá lớn nên bà H nói với D có xin giảm xuống được không thì D nói dối với bà Hương sẽ xin cơ quan chức năng giảm được. Sau đó, D yêu cầu Rin chỉnh lại nội dung số tiền vào hai tờ Thông báo số 596/TB-CCT xuống còn 170.428.000 đồng và tờ Thông báo số 597/TB-CCT xuống còn 233.649.200 đồng rồi hoàn thiện nội dung có hình dấu tròn của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai Huyện Hòa Vang, chữ ký và tên người ký là Hoàng Quang Hậu chức danh Phó Giám đốc cùng 02 tờ giấy BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ giao cho D. D đem 02 tờ thông báo (bản phô tô) giao cho bà H và nói đã xin được Nhà nước hoàn trả đất đã thu hồi trước đó cho bà H và yêu cầu bà H đưa tiền để D đi nộp lệ phí xin lại đất đã thu hồi. Bà H tin tưởng thật nên ngày 27/3/2020 bà H đã đưa cho D số tiền 50.000.000 đồng tại một quán cà phê ở đường Hồ Sỹ Dương, phường Hòa Thọ Đông, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng. Sau khi chiếm đoạt được tiền của bà H, D sử dụng tiêu xài cá nhân.

Lần 2: Khoảng cuối tháng 4/2020, vì muốn chiếm đoạt thêm tiền của bà H nên D tiếp tục lấy 02 tờ phôi BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ do Rin làm giả đưa cho D trước đây. D trực tiếp điền số tiền phải nộp là 170.428.000 đồng và số tiền 233.649.200 đồng đều đề ngày 07/4/2020. D đưa cho bà H và nói dối là D đã nộp số tiền trên vào Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng, yêu cầu bà H phải đưa lại số tiền như đã ghi trong biên lai cho D. Thấy hai tờ biên lai D đưa, bà H tưởng thật nên đến ngày 29/4/2020 bà H đã chuyển trước cho D vào tài khoản của D số tiền 30.000.000 đồng, số tiền chiếm đoạt được D sử dụng tiêu xài cá nhân.

Sau khi bộ phận một cửa của huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng thông báo hồ sơ mà bà H nộp là chưa đảm bảo và trả hồ sơ lại cho bà H. Thấy hồ sơ có dấu hiệu nghi ngờ nên bà H đến Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Hòa Vang để kiểm tra thì biết được đây là tài liệu giả nên bà H đã đến Công an quận Cẩm Lệ trình báo.

Tang vật thu giữ:

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 đã qua sử dụng, số IMEI 1: 353793100756744/01; IMEI 2: 353794100756742/01.

- 01 (một) bản phô tô giấy thông báo số 428/TB-CNVPĐKĐĐHV đề ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Hòa Vang;
- 01 (một) bản phô tô giấy thông báo số 429/TB-CNVPĐKĐĐHV đề ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Hòa Vang;
- 01 (một) tờ giấy có nội dung “Anh Dũng có lấy 2 bộ giấy tờ làm sổ đất” có chữ ký và tên Nguyễn Dũng đề ngày 10/12/2019;
- 01 (một) tờ giấy có nội dung “giấy nhận tiền” có chữ ký và tên Nguyễn Dũng;
- 02 (hai) tờ giấy có tiêu đề “BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ” số 0011891 đều đề ngày 7 tháng 4 năm 2020;
- 01 (một) bản phô tô có tiêu đề “THÔNG BÁO NỘP TIỀN HOÀN TRẢ ĐỀ SỬ DỤNG ĐẤT” số 596/TB-CCT đề ngày 28/3/2020;
- 01 (một) bản phô tô giấy “THÔNG BÁO NỘP TIỀN HOÀN TRẢ ĐỀ SỬ DỤNG ĐẤT” số 597/TB-CCT đề ngày 28/3/2020;
- Số tiền 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng)

Theo kết luận giám định số 1469/C09C-Đ2 ngày 29/12/2021 của Phân viện khoa học hình sự tại Đà Nẵng kết luận:

1. Phôi của 02 (hai) “BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ” cần giám định ký hiệu A1, A2 là phôi giả, được tạo ra bằng phương pháp in màu, không phải được in ra từ một bản in tương ứng với “BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ” (Liên 2) mẫu so sánh ký hiệu M1.

2. Chữ viết trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết đứng tên Nguyễn Dũng trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M2-M9 là do cùng một người ký ra.

3. Chữ viết phần nội dung và chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nguyễn Dũng trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ ký, chữ viết đứng tên Nguyễn Dũng trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M2-M9 là do cùng một người ký và viết ra.

Nội dung “CLệ ngày 10/12/2019 anh Dũng có lấy hai bộ giấy tờ làm sổ đất ... hẹn 5 ngày ra sổ sang tên Hương” so với chữ viết đứng tên Nguyễn Dũng trên các tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M2-M9 là do cùng một người viết ra.

4. Hình dấu tròn có nội dung “VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 là hình dấu giả, được tạo ra bằng phương pháp in màu, không phải là hình dấu được đóng ra trực tiếp từ một con dấu.

Theo kết luận giám định ố 124/KL-C09C(Đ2) ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Phân viện khoa học hình sự tại TP Đà Nẵng kết luận:

Chữ ký (không ghi rõ họ tên) dưới mục “Người thu tiền (ký, ghi rõ họ tên)” trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A1,A2 là chữ ký giả (Chữ ký được tạo ra bằng phương pháp in màu, không phải là chữ ký được ký ra trực tiếp).

Đối với số tiền 80.000.000 đồng Cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét nơi ở của D, đây là tài sản riêng của Nguyễn D, bị cáo Dũng đã tự nguyện dùng số tiền này để khắc phục hậu quả, bồi thường thiệt hại cho bà H. Bà H đã nhận đủ tiền và không có yêu cầu gì khác về dân sự.

Tại bản cáo trạng số 43/CT-VKSCL ngày 22/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Nguyễn D về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn D thừa nhận cáo trạng truy tố bị cáo về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự là đúng tội danh. Đối với tội danh “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quá trình xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa có lúc bị cáo không nhận tội vì cho rằng số tiền 80.000.000 đồng bị cáo nhận của bà H, bị cáo đã sử dụng để chi phí hết cho việc đo đạc, cắm mốc, đền bù, san ủi mặt bằng thửa đất... Tuy nhiên bị cáo thừa nhận đã đưa ra thông tin gian dối nói dối với bà H, bị cáo sẽ làm thủ tục xin lại diện tích đất đã bị thu hồi và xin chuyển mục đích sử dụng đất cho bà Hương, đồng thời đặt làm giả 02 THÔNG BÁO NỘP TIỀN HOÀN TRẢ ĐỂ SỬ DỤNG ĐẤT; 02 BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ giao cho bà H để bà H tin tưởng giao cho bị cáo số tiền 80.000.000 đồng. Bị cáo cũng thừa nhận quá trình điều tra, truy tố bị cáo không bị ép cung, bức cung dùng nhục hình, những biên bản lời khai nào không đúng thì bị cáo đều ghi ý kiến của mình vào biên bản hỏi cung. Hiện bị cáo đã lớn tuổi, mẹ già không ai chăm sóc, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bị hại bà Võ Thị Thu H khai: Ban đầu bà chỉ nhờ Nguyễn D làm thủ tục đo đạc xác định diện tích thửa đất để làm thủ tục sang tên với chi phí 20.000.000 đồng. Sau đó bị cáo Nguyễn D đưa ra thông tin gian dối nói dối với bà là D sẽ xin lại diện tích đất đã bị thu hồi và xin chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn cho bà H, đồng thời D đưa các giấy tờ giả và nói với bà H là D đã nộp tiền thay cho bà H yêu cầu bà H trả lại tiền cho D, bà H tin tưởng nên đã giao cho bị cáo Nguyễn D số tiền 80.000.000 đồng. Bà H thống nhất về tội danh, điều luật mà VKS đã truy tố bị cáo Nguyễn D, tại phiên tòa bị cáo đã khai báo không trung thực, quanh co chối tội nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử đúng người, đúng tội theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự, bà H xác nhận đã nhận

lại số tiền 80.000.000 đồng mà bị cáo đã chiếm đoạt, tại phiên tòa bà H không yêu cầu gì thêm về phần trách nhiệm dân sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn D về về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Qua đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, thái độ khai báo của bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 341; Điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn D mức án tù từ 02 năm tù đến 03 năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”

Áp dụng: điểm c khoản 2 Điều 174; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn D mức án tù từ 03 năm tù đến 03 năm 06 tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự để tổng hợp hình phạt đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo đã bồi thường cho người bị hại số tiền 80.000.000 đồng, tại phiên tòa người bị hại Võ Thị Thu H không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động hiệu Samsung J4 thu giữ của bị cáo Nguyễn D đây là tài sản bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước. Đối với các giấy tờ tài liệu khác đề nghị tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đã tiến hành điều hợp pháp.

[2] Về nội dung hành vi phạm tội của bị cáo: Qua xem xét lời khai của bị cáo, lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Cuối năm 2019, Nguyễn D được bà Võ Thị Thu H nhờ làm thủ tục đo đạc xác định diện tích đất thực tế, sang tên từ chủ cũ là ông Đặng Xuân L sang bà H đối với 02 thửa đất số 137, 138, tờ bản đồ số 99 (*số thửa đất cũ là 420, 421*) tại thôn Phú Hạ, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng. Trong quá trình làm hồ sơ đất cho bà H, D phát hiện hồ sơ đo đạc vẫn thể hiện diện tích các thửa đất số 137, 138 chưa bị thu hồi (thực tế vào năm 2013, thửa đất số 137, 138 đã bị Nhà nước thu hồi một phần diện tích) nên D nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà H.

Để chiếm đoạt tài sản của bà Võ Thị Thu H, Nguyễn D đã dùng thủ đoạn gian nói dối với bà H, D sẽ giúp bà H xin lại toàn bộ diện tích đất đã bị Nhà nước thu hồi trước đó để bà H tiếp tục sử dụng và xin chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn cho bà H. Để bà Hương tin tưởng, giao tiền D đã liên hệ với đối tượng Rin (không rõ nhân thân lai lịch) đặt làm giả 02 bản phô tô “THÔNG BÁO NỘP TIỀN HOÀN TRẢ ĐỂ SỬ DỤNG ĐẤT” của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Hòa Vang và 02 tờ phôi BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ của Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng. D sử dụng 02 phôi BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ do Rin làm giả rồi D trực tiếp điền số tiền phải nộp vào Biên lai. Sau đó D đưa 02 bản phô tô “THÔNG BÁO NỘP TIỀN HOÀN TRẢ ĐỂ SỬ DỤNG ĐẤT” và 02 BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ giả đã ghi số tiền cần phải nộp đưa cho bà H và nói dối với bà H là D đã nộp tiền thay cho bà H, yêu cầu bà H chuyển trả lại tiền cho D. Bà H tin tưởng D có làm thủ tục xin lại diện tích đất đã bị thu hồi và xin chuyển mục đích sử dụng đất nên đã 01 lần giao trực tiếp cho D số tiền 50.000.000 đồng và 01 lần chuyển khoản cho D số tiền 30.000.000 đồng. Tổng số tiền D chiếm đoạt của bà Hương là 80.000.000 đồng.

Như vậy, để chiếm đoạt tài sản của người bị hại, bị cáo Nguyễn D đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối như: nói dối với bà Võ Thị Thu H là bị cáo sẽ làm thủ tục xin lại toàn bộ diện tích đất đã bị Nhà nước thu hồi và xin chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn, đồng thời đặt làm giả 02 tờ THÔNG BÁO NỘP TIỀN HOÀN TRẢ ĐỂ SỬ DỤNG ĐẤT và 02 BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ giao cho bà H để bà H tin tưởng nhằm chiếm đoạt của bà Hương số tiền 80.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo Nguyễn D đã phạm vào các tội “*Lừa*

đảo chiếm đoạt tài sản” có tình tiết định khung “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” có tình tiết định khung “*Làm từ 02 đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự như Bản cáo trạng số 43/CT-VKSCL ngày 22/6/2022 của Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Tại phiên tòa có lúc bị cáo Nguyễn D không nhận tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” vì cho rằng số tiền 80.000.000 đồng bị cáo nhận của bà H, bị cáo đã sử dụng để chi phí hết cho việc đo đạc xác định diện tích thửa đất, cắm mốc, đền bù, san ủi mặt bằng thửa đất...Tuy nhiên tại các biên bản ghi lời khai ngày 16/02/2022 ngày 10/3/2022, ngày 18/3/2022, ngày 22/4/2022 và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn D thừa nhận đã đưa ra thông tin gian dối nói dối với bà H là bị cáo sẽ làm thủ tục xin lại diện tích đất đã bị Nhà nước thu hồi và xin chuyển mục đích sử dụng từ đất trồng cây lâu năm sang đất ở tại nông thôn cho bà Hương; đồng thời đặt làm giả 02 tờ THÔNG BÁO NỘP TIỀN HOÀN TRẢ ĐỂ SỬ DỤNG ĐẤT; 02 BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ đưa cho bà H để bà H tin tưởng giao cho bị cáo số tiền 80.000.000 đồng. Lời khai của bị cáo tại các biên bản hỏi cung nêu trên và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ thu thập được. Hành vi dùng nhiều thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt của người bị hại số tiền 80.000.000 đồng của bị cáo Nguyễn D đã phạm vào tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự như đã nhận định nêu trên. Bị cáo cho rằng đã dùng số tiền 80.000.000 đồng này để chi phí các khoản như đo đạc xác định diện tích thửa đất, cắm mốc, đền bù, san ủi mặt bằng thửa đất...nhưng không có tài liệu, chứng cứ chứng minh nên Hội đồng xét xử không chấp nhận. Việc bị cáo thừa nhận một phần hành vi phạm tội nhưng không nhận tội danh là do nhận thức pháp luật của bị cáo.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối, đồng thời làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức nhằm chiếm đoạt tài sản của người bị hại với tổng số tiền 80.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cùng lúc phạm 02 tội danh có tính chất nghiêm trọng, xâm phạm đến quyền sử hữu tài sản của người khác và xâm phạm trật tự quản lý hành chính nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu năm 2013 đã bị xử phạt 07 năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng bản thân mà tiếp tục phạm tội. Mặc dù bản án này đã được xóa án tích, nhưng

cũng cần phải xem xét ở góc độ nhân thân khi quyết định hình phạt đối với bị cáo. Đối với bị cáo cần xử phạt nghiêm, cần thiết cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn như mức án mà Viện kiểm sát đề nghị để cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã 02 lần lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người bị hại, mỗi lần chiếm đoạt tài sản trị giá trên 2 triệu đồng. Do đó, đối với tội danh “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “*Phạm tội từ 02 lần trở lên*” theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự như đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là có cơ sở.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn về hành vi “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Đối với hành vi “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quá trình điều tra bị cáo đã tự nguyện sử dụng số tiền 80.000.000 đồng để bồi thường cho người bị hại. Hội đồng xét xử sẽ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b (*đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản*), điểm s (*đối với tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*) khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị cáo Nguyễn D đã bồi thường khắc phục hậu quả cho người bị hại số tiền 80.000.000 đồng. Tại phiên tòa người bị hại Võ Thị Thu Hương không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền 80.000.000 đồng cơ quan điều tra thu giữ khi khám xét nơi ở của bị cáo D, đây là tài sản riêng của bị cáo, bị cáo tự nguyện dùng số tiền này để khắc phục hậu quả, bồi thường cho bị hại Võ Thị H. Bà H đã nhận đủ tiền và không yêu cầu gì thêm.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 đã qua sử dụng, số IMEI 1: 353793100756744/01; IMEI 2: 353794100756742/01 là tài sản bị cáo sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung công quỹ nhà nước.

Đối với các tài liệu gồm: 01 (một) bản phô tô giấy thông báo số 428/TB-CNVPĐKĐĐHV đề ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Hòa Vang; 01 (một) bản phô tô giấy thông báo số 429/TB-CNVPĐKĐĐHV đề ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Hòa Vang; 01 (một) tờ giấy có nội dung “Anh Dũng có lấy 2 bộ giấy tờ làm sổ đất” có chữ ký và tên Nguyễn Dũng đề ngày 10/12/2019; 01 (một) tờ giấy có nội dung “giấy nhận tiền” có chữ ký và tên Nguyễn Dũng; 02 (hai) tờ giấy có tiêu đề

“BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ” SỐ 0011891 đều đề ngày 7 tháng 4 năm 2020; 01 (một) bản phô tô có tiêu đề “THÔNG BÁO NỘP TIỀN HOÀN TRẢ ĐỀ SỬ DỤNG ĐẤT” số 596/TB-CCT đề ngày 28/3/2020; 01 (một) bản phô tô giấy “THÔNG BÁO NỘP TIỀN HOÀN TRẢ ĐỀ SỬ DỤNG ĐẤT” số 597/TB-CCT đề ngày 28/3/2020 cần tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

[8] Đối với bản phô tô có tiêu đề “THÔNG BÁO NỘP TIỀN HOÀN TRẢ ĐỀ SỬ DỤNG ĐẤT” số 596/TB-CCT đề ngày 28/3/2020 và bản phô tô tiêu đề “THÔNG BÁO NỘP TIỀN HOÀN TRẢ ĐỀ SỬ DỤNG ĐẤT” số 597/TB-CCT đề ngày 28/3/2020, Dũng khai thuê đối tượng Rin làm giả. Tuy nhiên, quá trình điều tra chỉ thu được bản phô tô không có cơ sở để tiến hành trưng cầu giám định. Do đó, Hội đồng xét xử kiến nghị Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, điều tra xử lý sau.

[9] Đối với các đối tượng liên quan:

Đối với Nguyễn Văn V có hành vi hỗ trợ Nguyễn D để hoàn thiện hồ sơ trích đo địa chính thửa đất số 137, 138 tờ bản đồ số 99 tại thôn Phú Hạ, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng. Tuy nhiên việc làm của Việt không liên quan đến hành vi phạm tội của Dũng nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

Đối với Trà Hùng, Nguyễn Đình C – Cán bộ đo đạc thuộc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng khi thực hiện đo đạc hiện trạng thửa đất số 137, 138 tờ bản đồ số 99 không biết đất đã bị thu hồi một phần, ông Hùng và ông Chiêu cùng không biết hành vi phạm tội của Dũng nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

Đối với Nguyễn Lê Đình T – Cán bộ nội nghiệp thuộc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng là người trực tiếp xuất bản in hồ sơ đo đạc thửa đất số 137, 138, tờ bản đồ 99. Trong quá trình thao tác kỹ thuật xuất bản in, do sơ xuất nên không điều chỉnh phần “Mục đích sử dụng đất”. Ông Trương Đình Bửu Đ – Phó phòng kỹ thuật; ông Nguyễn Hồng S – giám đốc Văn phòng đăng ký đất đai thành phố Đà Nẵng là người ký hồ sơ đo đạc thửa đất do sơ xuất trong quá trình làm việc, không biết dung lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bà Hương nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có cơ sở.

Đối với đối tượng tên Rin (không rõ nhân thân lai lịch) theo bị cáo Nguyễn Dũng khai Rin là người được Dũng đặt làm giả Thông báo THÔNG BÁO NỘP TIỀN HOÀN TRẢ ĐỀ SỬ DỤNG ĐẤT và phôi BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ. Hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch của Rin, cơ quan điều tra tách ra tiếp tục điều tra xử lý sau là có cơ sở.

[10] Về án phí: Bị cáo Nguyễn D phải chịu án phí HSST và án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Tuyên bố bị cáo Nguyễn D phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” và tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

1.1 Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Nguyễn D 02 (hai) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

1.2 Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Nguyễn D 03 (ba) năm tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”

1.3 Căn cứ Điều 55 Bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt chung của cả hai tội, buộc bị cáo Nguyễn D phải chấp hành là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam, ngày 10/3/2022.

2. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường, khắc phục hậu quả đầy đủ cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự 2015: Tuyên

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Samsung J4 đã qua sử dụng, số IMEI 1: 353793100756744/01; IMEI 2: 353794100756742/01 thu giữ của bị cáo Nguyễn Dũng (*Vật chứng hiện Chi cục thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/6/2022*)

- Tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ vụ án các tài liệu, giấy tờ sau: 01 (một) bản phô tô giấy thông báo số 428/TB-CNVPĐKĐĐHV đề ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Hòa Vang; 01 (một) bản phô tô giấy thông báo số 429/TB-CNVPĐKĐĐHV đề ngày 23 tháng 12 năm 2019 của Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh huyện Hòa Vang; 01 (một) tờ giấy có nội dung “Anh Dũng có lấy 2 bộ giấy tờ làm sổ đất” có chữ ký và tên Nguyễn Dũng đề ngày 10/12/2019; 01 (một) tờ giấy có nội dung “giấy nhận tiền” có chữ ký và tên Nguyễn Dũng; 02 (hai) tờ giấy có tiêu đề “BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ” số 0011891 đều đề ngày 7 tháng 4 năm 2020; 01 (một) bản phô tô có tiêu đề “THÔNG BÁO NỘP TIỀN HOÀN TRẢ ĐỀ SỬ DỤNG ĐẤT” số 596/TB-CCT đề ngày 28/3/2020; 01 (một) bản phô tô giấy “THÔNG BÁO NỘP TIỀN HOÀN TRẢ ĐỀ SỬ DỤNG ĐẤT” số 597/TB-CCT đề ngày 28/3/2020

(Các tài liệu, giấy tờ này hiện đang lưu giữ tại hồ sơ vụ án)

4. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án

Buộc bị cáo Nguyễn D phải chịu 200.000 đồng *(hai trăm nghìn đồng)* án phí Hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- CQĐĐ -Công an quận Cẩm Lệ;
- Cơ quan THAHS – Công an Q, Cẩm Lệ;
- Sở Tư pháp TP. Đà Nẵng;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- Trại giam Hòa Sơn;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Cường